

Bản án số: **109/2020/DS - PT**

Ngày: 17-6-2020

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tào

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Phước Thanh

Ông Đặng Kim Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 861/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A; cư trú tại: thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

*Người đại diện ủy quyền của bà A:*

- Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ liên hệ: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết N; địa chỉ liên hệ: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019 của bà A).

\* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Văn H hay D anh); cư trú tại: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn D; cư trú tại: USA. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S (X); cư trú tại: USA. Vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị Tuyết N; cư trú tại: Số nhà 19 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.
4. Ông Nguyễn Văn S; cư trú tại: USA. Vắng mặt.  
*Người đại diện ủy quyền của ông D, bà S, ông S:* Bà Nguyễn Thị H (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2019 của ông D; ngày 12/9/2019 của bà S; ngày 19/11/2019 của ông S). Có mặt.
5. Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại: Số nhà 19, đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.
6. Ông Nguyễn Văn D (D em); cư trú tại: thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.  
*Người đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn D (em):*
  - Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ liên hệ: Số nhà 19 T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.
  - Bà Nguyễn Thị Tuyết N; địa chỉ liên hệ: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.(Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2019 của ông D).
7. Ông Nguyễn Thành C; cư trú tại: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.
8. Chị Nguyễn Thị Thanh L; cư trú tại: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.
9. Chị Nguyễn Thị Thanh T. Vắng mặt.
10. A Nguyễn Thanh T. Vắng mặt.  
Cùng cư trú tại: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.
11. Chị Lê Thị Đ. Có mặt.
12. Cháu Nguyễn Văn T. Vắng mặt.
13. Cháu Nguyễn Thị T1. Vắng mặt.  
Đều trú tại: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.  
*Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Văn T1:* Chị Lê Thị Đ (mẹ của 02 cháu). Có mặt.
14. Bà Nguyễn Thị A. Vắng mặt.
15. Chị Nguyễn Thị Thảo N. Có mặt.
16. A Nguyễn Lê Đ. Có mặt.  
Đều cư trú tại: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.  
*Người đại diện theo ủy quyền của bà A, chị N:* Ông Nguyễn Văn D (D anh), sinh năm 1952; cư trú tại: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020). Có mặt.

\* **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thanh L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* N đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:*

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn H (chết năm 1964), cụ Lê Thị T (chết năm 2016) có 09 người con gồm:

1. Nguyễn Thị N (chết năm 2011) có chồng là Nguyễn Thanh C (chết năm 1968) có 05 người con là: Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh Q (chết năm 2018) có vợ là Lê Thị Đ và 02 con là: Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1;

2. Nguyễn Văn D;

3. Nguyễn Thị S;

4. Nguyễn Thị Tuyết N;

5. Nguyễn Thị H;

6. Nguyễn Thị A;

7. Nguyễn Văn D (H; D anh);

8. Nguyễn Văn S;

9. Nguyễn Văn D (D em);

Di sản cha mẹ để lại gồm:

Nhà, đất tại số 51 đường Q, thị xã A, tỉnh Bình Định

Nhà, đất tại số 316-318 T, thị xã A, tỉnh Bình Định (gồm 02 căn liền nhau).

Cha mẹ bà chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc nhà, đất tại số 316 - 318 đường T, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 10, diện tích 246,9m<sup>2</sup> (trong đó 140m<sup>2</sup> đất ở và 106,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) trước đây là số 280 đường T, thị trấn B, huyện A (nay là phường B, thị xã A) là của bà nội Trần Thị T mua của cụ Nguyễn Doãn C (hiện cụ C đã chết).

Nguồn gốc nhà, đất tại số 51 đường Q, phường B, thị xã A là do cha mẹ mua của bà chủ hiệu buôn H Lợi (đã chết) khi mua có giấy tờ nhưng bà không giữ giấy tờ này.

Nhà, đất tại số 51 đường Q, phường B hiện do ông Nguyễn Văn D (H hay D anh) quản lý, sử dụng vào khoảng năm 1990 - 1992, khi đó trên đất đã có ngôi nhà lầu 1 mê, nhà xây dựng trên hết diện tích đất. Quá trình sử dụng nhà, ông D có sửa chữa hay không, sửa chữa những hạng mục nào, sửa chữa năm nào và chi phí bao nhiêu bà không biết nhưng chị bà là Nguyễn Thị S biết vì bà S là người chuyển tiền về cho ông D sửa chữa nhà.

Nhà, đất tại số 316 - 318 đường T không ai ở. Khoảng tháng 6/2018, bà dọn về ở tại căn số 316 đồng thời sửa chữa lại cửa, quét vôi, sửa công trình phụ, mắc điện, nước với tổng số tiền khoảng 150.000.000 đồng. Nguồn tiền sửa chữa nhà do các anh chị em đóng góp, trong đó: ông Nguyễn Văn D góp 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị S đóng góp 50.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết N 30.000.000 đồng, Nguyễn Thị A góp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị H

10.000.000 đồng, Nguyễn Văn S 20.000.000 đồng, 05 người con của bà Nguyễn Thị N góp 10.000.000 đồng.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm có nhà, đất tại số 316-318 đường T và nhà, đất tại số 51 đường Q, thị xã A, tỉnh Bình Định cho tất cả các thừa kế. Bà và 05 người mà bà nhận ủy quyền yêu cầu được nhận hiện vật là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 316 - 318 đường T và nhà đất tại số 51 đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định đồng thời thanh toán lại giá trị cho ông D (anh) số tiền 150.000.000 đồng sửa chữa ngôi nhà số 316 đường T, bà yêu cầu Tòa giải quyết trả lại cho bà để bà trả lại cho các anh, chị em đã đóng góp.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn D (anh) trình bày:*

Ông thống nhất như trình bày của bà A về mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế thứ nhất, di sản cha mẹ để lại. Cha ông chết không để lại di chúc nhưng mẹ ông có di chúc lập ngày 14/3/2011, có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn B. Nội dung di chúc, mẹ ông giao cho ông được toàn quyền sử dụng nhà đất lại số 316 - 318 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Nhà, đất tại số 13 đường Q (nay là số 51, đường Q, phường B, thị xã A) mẹ ông và các chị em đã đồng ý cho ông quản lý, sử dụng từ năm 1964. Quá trình quản lý sử dụng, ông đã sửa chữa, xây dựng mới nhiều lần nhưng không ai phản đối, Năm 1990, vợ và các con ông về ở tại nhà đất này cho đến nay. Năm 2000, ông đập bỏ toàn bộ ngôi nhà cũ để xây dựng lại theo Giấy phép xây dựng số 58/GPXD ngày 19/6/2000. Năm 2010 ông tiếp tục nâng cấp sửa chữa thêm theo Giấy phép xây dựng số 260/GPXD ngày 01/10/2010). Tổng số tiền xây dựng gần 2.000.000.0000 đồng là tiền của vợ chồng. Ông không nhận tiền của bà S để sửa chữa nhà.

Nhà, đất tại số 318 đường T, ông sử dụng làm nhà kho chứa phụ kiện làm hoa tươi. Quá trình quản lý nhà, ông đã sửa chữa 03 lần gồm các hạng mục như: Chống thấm, xây mới công trình phụ, nhà vệ sinh, nhà tắm, đập bỏ mê chống thấm cũ và đổ lại mê mới, sửa chữa thay cửa, quét vôi, điện nước và san lấp mặt bằng phía sau diện tích 40m<sup>2</sup>. Tổng chi phí 1.000.000.0000 đồng.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A vì mẹ ông khi còn sống đã lập di chúc đề ngày 14/3/2011, có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn B. Nội dung di chúc, mẹ ông giao cho ông được toàn quyền sử dụng nhà đất tại số 316 - 318 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định, còn nhà, đất tại số 51 đường Q ông đã quản lý từ năm 1964 đến nay đã sửa chữa và làm mới nhiều lần nhưng các chị em không ai có ý kiến gì nên nhà, đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông.

*\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Nguyễn Thị H, chị Lê Thị Đ trình bày: Thống nhất theo lời trình bày

của bà A.

- A Nguyễn Thanh T trình bày: Nguồn gốc ngôi nhà số 51 đường Q là của mẹ anh là bà Nguyễn Thị N xây dựng năm 1964, xây dựng phần phía trước như hiện nay (Phòng khách) với số tiền bao nhiêu anh không biết, sau đó ông D (D anh) xây dựng thêm phần phía sau và đổ thêm 01 mê.

Hiện nay anh không có chứng cứ nhưng có những người làm chứng, anh sẽ cung cấp họ, tên, địa chỉ cho Tòa vào ngày 10/11/2019.

A yêu cầu Tòa giải quyết buộc người nào sở hữu ngôi nhà số 51 đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định thì thanh toán lại giá trị phần nhà mà mẹ anh xây dựng cho các anh chị em anh.

**\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:**

1. C nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn H, cụ Lê Thị T đối với nhà, đất tại số 316-318 T (số cũ là 280 đường T), thửa đất số 176 tờ bản đồ số 10, phường B, thị xã A và nhà đất tại số 51 đường Q (số cũ là 13 đường Q), thửa đất số 130, tờ bản đồ số 7, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Giao ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 51 đường Q (số cũ là 13 Q), thửa số 130, tờ bản đồ số 07, diện tích 136,2m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế 131,5m<sup>2</sup>) cho ông Nguyễn Văn D (anh) tiếp tục sở hữu, sử dụng (riêng phần nhà thuộc quyền sở hữu của ông D (anh) và bà Nguyễn Thị A).

(Có sơ đồ nhà, đất kèm theo)

3. Giao ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 316-318 (số cũ 280), đường T, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 10, diện tích 246,9m<sup>2</sup> (trong đó 140m<sup>2</sup> đất ở và 106,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), diện tích đo đạc thực tế 250,6m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 140 m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm 110,6 m<sup>2</sup>), phường B, thị xã A cho ông Nguyễn Văn D (anh) tiếp tục sở hữu sử dụng.

(Có sơ đồ nhà, đất kèm theo)

4. Buộc ông Nguyễn Văn D (anh) phải thanh toán cho các thừa kế số tiền cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn D (D em), bà Nguyễn Thị S (X) mỗi người 434.531.429 đồng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị A mỗi người 199.710.000 đồng.

A Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Thị Thanh L, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thanh T mỗi người 86.906.286 đồng.

Chị Lê Thị Đ, cháu Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Thị T1, mỗi người 28.968.762 đồng (cháu T và cháu T1 còn nhỏ nên chị Đ là người quản lý số tiền của 02 cháu).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09 tháng 12 năm 2019, bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm: Yêu cầu hủy di chúc ngày 14/3/2011; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn D đối với nhà, đất số 51 Q; chia toàn bộ tài sản của cụ H, cụ T cho các đồng thừa kế; xác định lại giá trị của hai ngôi nhà tại 316-318 đường T và số 51 đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; giao căn nhà 316 đường T cho nguyên đơn để làm nhà thờ, do bà H đại diện đứng tên và giao nhà số 318 cho bà H.

- Ngày 19 tháng 12 năm 2019, bà Nguyễn Thị Thanh L kháng cáo bản án sơ thẩm: Yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm; không công nhận di chúc ngày 14/3/2011; không công nhận hợp đồng tặng cho nhà ở, xác lập ngày 07/10/1999; chia toàn bộ tài sản của cụ H, cụ T cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, trong vụ án có một số đương sự là người cao tuổi, thuộc đối tượng miễn, giảm án phí, nên đề nghị sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh L; nhận thấy:

[1.1] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất vợ chồng cụ Nguyễn H, Lê Thị T lúc còn sống đã tạo lập được khối tài sản sau:

- Nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 316-318 T (số cũ là 280 đường T), phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định, được UBND huyện A (nay là UBND thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số H03250/QSDD/I9 ngày 07/10/2008 cho cụ Lê Thị T và cụ Nguyễn H (chết); diện tích 246,9m<sup>2</sup> (trong đó 140m<sup>2</sup> đất ở và 106,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 176 tờ bản đồ số 10, phường B, thị xã A.

- Nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 51 đường Q (số cũ là 13 đường

Q) thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 7, phường B, thị xã A hiện do ông Nguyễn Văn D (D anh) đang quản lý sử dụng.

[1.2] Đối với ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 316-318 T, phường B, thị xã A, có nguồn gốc do vợ chồng cụ Lê Thị T, Nguyễn H mua của vợ chồng cụ Nguyễn Doãn C, Nguyễn Thị Lê Khanh vào năm 1954. Năm 1964 cụ H chết. Năm 1971, cụ T có đơn xin phép xây dựng nhà ở và được chính quyền cho phép. Như vậy, ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 176, tờ bản đồ số 10 là tài sản riêng của cụ T.

- Về ngôi nhà có diện tích là 250,6m<sup>2</sup> xây dựng trên thửa đất số 176, bà A khai nhà bỏ không, không ai ở nên khoảng tháng 6/2018 bà dọn về ở tại căn số 316, đồng thời sửa chữa một số hạng mục như: Quét vôi, sửa công trình phụ, điện, nước với tổng số tiền 150.000.000 đồng. Nguồn tiền sửa chữa là do các anh chị em của bà đóng góp, trong đó: Ông Nguyễn Văn D 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị S 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết N 30.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị A 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Sơn 20.000.000 đồng và 05 người con của bà Nguyễn Thị N 10.000.000 đồng, nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng minh. Tại Biên bản định giá 19/4/2019, ông D (anh) xác nhận nhà có sửa chữa vào năm 2002-2003, đồng thời cung cấp Giấy xác nhận thi công sửa chữa nhà 280 T của ông Phan Văn Long, ông Lâm Thái Hòa là người thi công từ ngày 09/7/2003 đến ngày 29/9/2003, nên có căn cứ xác định ngôi nhà nêu trên có sửa chữa vào năm 2002- 2003; thời điểm này cụ T còn sống nên việc ông D (anh) cho rằng tiền sửa chữa nhà là của ông nhưng ông không chứng minh được; Do đó án sơ thẩm xác định tiền sửa chữa nhà là của cụ T; ông D (anh) chỉ là người trông coi, vì khi đó ông ở chung với cụ T, nên đây là tài sản riêng của cụ T là có căn cứ.

- Ngày 14/3/2011, cụ Lê Thị T lập Bản di chúc để lại căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 316-318 T, phường B, thị xã A cho ông Nguyễn Văn D (anh), được UBND thị trấn B chứng thực với nội dung như sau: “Ngôi nhà và đất nói trên do tôi và chồng tôi tạo lập hơn 40 năm nay.... Nay tôi thấy các con tôi, ai cũng có nhà ở ổn định, cuộc sống kinh tế vững vàng. Trong lúc tinh thần còn minh mẫn, sáng suốt, không có sự ép buộc nào nên tôi quyết định lập bản di chúc này để lại một phần tài sản là nhà và đất nói trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của tôi và phần tôi được thừa kế theo pháp luật của chồng tôi cho con tôi là Nguyễn Văn D (anh) được trọn quyền sở hữu và sử dụng”.

Bà Nguyễn Thị A không thừa nhận di chúc nêu trên của cụ T vì theo bà, lại thời điểm cụ T lập di chúc, cụ T bị bệnh tai biến nên không còn minh mẫn, nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh tại thời điểm lập di chúc cụ T đã mất năng lực hành vi dân sự. Di chúc của cụ T lập có 02 người làm chứng là ông Hà Văn D và ông Nguyễn Phúc S ký xác nhận; Ông S và ông D đều không

có quan hệ bà con với cụ T mà chỉ là hàng xóm. Hai người làm chứng đều khai trước khi ký vào bản di chúc của cụ T, cán bộ phường B có đọc nội dung của di chúc cho các ông và cụ T nghe, cụ T gập đầu và điêm chỉ vào di chúc và được UBND thị trấn B chứng thực. Như vậy, theo quy định tại Điều 655, 656, 657, 659 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì di chúc của cụ T là hợp pháp.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy di chúc lập ngày 14/3/2011 của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh L.

[1.3] Đối với nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 51 đường Q, thuộc thửa số 130, tờ bản đồ số 7, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà A và các con của bà Nguyễn Thị N là Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh T đều khai đất là của vợ chồng cụ T mua, khi mua trên đất có căn nhà cấp 4; đến năm 1971, bà N đã bỏ tiền xây thêm một tầng để ở. Tuy nhiên bà A và các con bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Do đó, án sơ thẩm xác định nhà, đất tại số 51 đường Q, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 7, phường B, thị xã A là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn H, Lê Thị T là có căn cứ.

- Ngày 07/10/1999, cụ Lê Thị T lập Hợp đồng cho nhận nhà ở này cho ông Nguyễn Văn D (anh) và được UBND huyện A chứng thực.

- Ngày 02/11/1994, bà Nguyễn Thị Tuyết N lập Giấy đồng thuận cho nhà, với nội dung thống nhất với mẹ và các anh chị em cho căn nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D (anh), bà Nguyễn Thị A trọn quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà 13 (nay là số 51) Q, thị trấn B. Giấy đồng thuận này được chính quyền địa phương xác nhận.

- Ngày 04/9/1999, bà Nguyễn Thị H có Đơn khước từ quyền hưởng di sản thừa kế; trong đó bà H nhường quyền hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị T đối với ngôi nhà số 13 (nay là số 51) Q, thị trấn B cho ông Nguyễn Văn D (anh).

- Ngày 06/9/1999, bà Nguyễn Thị A cùng có đơn khước từ quyền hưởng di sản thừa kế đối với ngôi nhà số 13 Q và nhường lại phần tài sản này cho ông Nguyễn Văn D (anh).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị A cho rằng tại thời điểm các bà lập các văn bản nêu trên là nhằm mục đích để cho ông D (anh) hợp thức hóa thủ tục xin cấp GCNQSDĐ, nhưng ông D (anh) không thừa nhận và các bà không chứng minh được chỉ nhằm hợp thức hóa thủ tục xin cấp GCNQSDĐ; vì vậy theo quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 1995, bà N, bà H và bà A được xem là đã từ chối việc nhận di sản đối với phần di sản của cụ H tại nhà và đất số 51 đường Q, phường B, còn cụ T lúc này đang còn sống nên chưa phát sinh việc thừa kế di sản



của cụ T.

Tuy nhiên xét thấy nhà và đất tại số 51 đường Q là tài sản chung vợ chồng của cụ T và cụ H (cụ H chết năm 1964) nhưng cụ T làm hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà, đất nêu trên là không đúng, do đó hợp đồng tặng cho nêu trên chỉ hiệu lực một phần đối với phần tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ T, phần tài sản còn lại là di sản của cụ H sẽ được chia thừa kế theo pháp luật, như án sơ thẩm xác định là có căn cứ, đúng pháp luật.

Mặt khác, ông Nguyễn Văn D ở tại căn nhà này từ năm 1990, hiện trạng nhà lúc này là nhà lầu một mê, xây dựng chưa hết diện tích đất. Đến năm 2000, do nhà hư hỏng nặng, nên vợ chồng ông D đập phá nhà cũ xây dựng lại nhà mới theo Giấy phép xây dựng số 58/GPXD ngày 19/6/2000. Năm 2010, ông D tiếp tục nâng cấp sửa chữa (các hạng mục, diện tích, số tầng theo Giấy phép xây dựng số 260/GPXD ngày 01/10/2010). Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 19/4/2019 các bên đương sự thống nhất ngôi nhà được xây dựng năm 2000. Án sơ thẩm xác định nhà là do vợ chồng ông D (anh), bà Nguyễn Thị A xây dựng toàn bộ nên ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng ông D (anh) và chỉ chia thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ H cho cụ T và 06 người con (ngoài bà H, bà N và bà A đã từ chối hưởng di sản và đã nhượng phần cho ông D); gồm: Bà N, bà S, ông D, ông S, ông D (anh) và ông D (em) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho nhà ở của cụ Lê Thị T lập ngày 07/10/1999, của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh L.

[1.4] Về kháng cáo yêu cầu định giá lại hai ngôi nhà tại 316-318 đường T và số 51 đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; xét thấy: Tại Biên bản định giá ngày 19/4/2019; Hội đồng định giá đúng thành phần theo quy định; tài sản được định giá theo giá thị trường tại thời điểm và bà Nguyễn Thị H có mặt nhưng cũng không có ý kiến gì. Mặt khác sau khi định giá tài sản, ngày 07/5/2019 Tòa án sơ thẩm tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đều thống nhất kết quả định giá tài sản. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu định giá lại tài sản của bà Nguyễn Thị H.

[1.5] Về kháng cáo yêu cầu được nhận nhà đất tại số 316-318 T, phường B, thị xã A của bà Nguyễn Thị H; nhận thấy: Căn nhà, đất tại số 316-318, đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; xét thấy ông D (anh) được thừa kế theo di chúc của cụ T và được chia thừa kế theo pháp luật của cụ H nên chiếm phần lớn trong tổng giá trị khối di sản. Bà A, bà H đã có chỗ ở ổn định, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông D (anh), giao toàn bộ nhà 316-318 đường T, phường B cho ông D sở hữu, đồng thời buộc ông D phải thanh toán giá trị cho các thừa kế là phù hợp thực tế và đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét

xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu được nhận nhà đất tại số 316-318 T, phường B, thị xã A của bà Nguyễn Thị H.

[1.6] Về nội dung kháng cáo yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn D đối với nhà, đất số 51 Q; xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự trong vụ án không có yêu cầu giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn D đối với nhà, đất số 51 Q và Tòa án sơ thẩm cũng không xem xét nội dung này; Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo này của bà H.

Như vậy, theo nhận định tại các mục [1.1], [1.2], [1.3], [1.4],[1.5] và [1.6] nêu trên; Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 05/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự là người cao tuổi không có đơn đề nghị miễn, giảm án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về chi phí định giá bổ sung:

- Ông Nguyễn Văn D (anh), ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị S (X), ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Văn D (em), bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị A mỗi người phải chịu 667.000 đồng.

- A Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Thị Thanh L, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thanh T, chị Lê Thị Đ mỗi người phải chịu 133.000 đồng.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 645, 655, 656, 657, 659 và Điều 660 Bộ luật dân sự 1995; các Điều 623, 649 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2005; Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn H, cụ Lê Thị T đối với nhà, đất tại

số 316-318 T (số cũ là 280 đường T), thửa đất số 176 tờ bản đồ số 10, phường B, thị xã A và nhà đất tại số 51 đường Q (số cũ là 13 đường Q), thửa đất số 130, tờ bản đồ số 7, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Giao ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 51 đường Q (số cũ là 13 Q), thửa số 130, tờ bản đồ số 07, diện tích 136,2m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế 131,5m<sup>2</sup>) cho ông Nguyễn Văn D (anh) sở hữu, sử dụng (riêng phần nhà thuộc quyền sở hữu của ông D (anh) và bà Nguyễn Thị A).

(Có sơ đồ nhà, đất kèm theo)

- Giao ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 316-318 (số cũ 280), đường T, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 10, diện tích 246,9m<sup>2</sup> (trong đó 140m<sup>2</sup> đất ở và 106,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), diện tích đo đạc thực tế 250,6m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 140 m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm 110,6 m<sup>2</sup>), phường B, thị xã A cho ông Nguyễn Văn D (anh) sở hữu, sử dụng.

(Có sơ đồ nhà, đất kèm theo)

- Buộc ông Nguyễn Văn D (anh) phải thanh toán cho các thừa kế số tiền cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn D (D em), bà Nguyễn Thị S (X) mỗi người 434.531.429 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị A mỗi người 199.710.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Thị Thanh L, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thanh T mỗi người 86.906.286 đồng.

+ Chị Lê Thị Đ, cháu Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Thị T1, mỗi người 28.968.762 đồng (cháu T và cháu T1 còn nhỏ nên chị Đ là người quản lý số tiền của 02 cháu).

2. Về chi phí định giá bổ sung:

- Ông Nguyễn Văn D (anh), ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị S (X), ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Văn D (em), bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị A mỗi người phải chịu 667.000 đồng.

- A Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Thị Thanh L, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thanh T, chị Lê Thị Đ mỗi người phải chịu 133.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H đã nộp 6.000.000 đồng, nên ông Nguyễn Văn D (anh), ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị S (X), ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Văn D (em), bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị A mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H là 667.000 đồng. A Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Thị Thanh L, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thanh T, chị Lê Thị Đ mỗi người phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H là 133.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003767 ngày 24/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do ông Nguyễn Thành C nộp thay). Bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003770 ngày 26/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Các Quyết định khác về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thi hành theo Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 05/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tào**